

Số: 252/2019/QĐST-HNGĐ

Cầu Giấy, ngày 14 tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 149, Điều 212 , Điều 213, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 318/2019/TLST/HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2019 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Anh Phạm T, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Căn hộ 906, tầng 9, tòa nhà N03 khu 5,3ha, phường D, quận C, thành phố H.

Chị Lê Thị Lan N, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Căn hộ 906, tầng 9, tòa nhà N03 khu 5,3ha, phường D, quận C, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm T và chị Lê Thị Lan N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, quận Đ, thành phố H ngày 06/11/2001. Hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống tại căn hộ 906, tầng 9, tòa nhà N03 khu 5,3ha, phường D, quận C, thành phố H.

Quá trình chung sống, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Nay anh chị cùng xác

định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy giải quyết cho anh chị thuận tình ly hôn.

Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh chị là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, nên được chấp nhận.

[2] Về con chung: Anh Phạm T và chị Lê Thị Lan N có 02 con chung là Phạm Tuấn L (nam), sinh ngày 28/7/2002 và Phạm Gia L (nữ), sinh ngày 08/12/2008. Ly hôn, anh T và chị N thỏa thuận: Chị N trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là cháu Tuấn L và cháu Gia L, anh T cấp dưỡng nuôi con 7.000.000 đồng/tháng (3.500.000 đồng/1 cháu/tháng). Thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 6 năm 2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền thay thế. Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Xét thỏa thuận của các bên về con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, nên được chấp nhận.

[3] Về tài sản (động sản và bất động sản): Anh T và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ: Anh T và chị N xác định không có khoản nợ chung nào, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Anh T tự nguyện nộp cả 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm, nên được ghi nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, thỏa thuận nuôi con, tài sản khi ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm T và chị Lê Thị Lan N.

- *Về con chung:* Anh Phạm T và chị Lê Thị Lan N có 02 con chung là Phạm Tuấn L (nam), sinh ngày 28/7/2002 và Phạm Gia L (nữ), sinh ngày 08/12/2008. Ly hôn, anh T và chị N thỏa thuận: Chị N trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là cháu Tuấn L và cháu Gia L, anh T cấp dưỡng nuôi con 7.000.000 đồng/tháng (3.500.000 đồng/1 cháu/tháng). Thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 6 năm 2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm

quyền thay thế. Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

- *Về tài sản (động sản và bất động sản)*: Anh T và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ*: Anh T và chị N xác định không có khoản nợ chung nào, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Phạm T nộp cả 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007087 ngày 06 tháng 6 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận C. Xác nhận anh T đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND quận C;*
- *Chi cục THADS quận C;*
- *UBND phường N, quận D, thành phố H;*
- *Lưu hồ sơ.*

THẨM PHÁN

Chu Tuấn Anh